

Số: 0485 /TCT-QHCD

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2015

V/v: Công bố thông tin định kỳ trên
công thông tin điện tử của UBCKNN

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cán Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính quý I năm 2015 Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2015 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC


Cán Hồng Lai

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 1/2015**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thôi giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Phạm Ngọc Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Cán Hồng Lai	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên Hội đồng quản trị (Giữ chức từ ngày 25 tháng 04 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cán Hồng Lai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Cán Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.087.473.027.731	3.294.907.259.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	643.144.019.924	693.297.776.187
1. Tiền	111	333.270.899.491	508.753.071.199
2. Các khoản tương đương tiền	112	309.873.120.433	184.544.704.988
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	63.501.648.006	175.678.600.777
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	63.501.648.006	175.678.600.777
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.499.024.719.756	1.570.483.356.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	883.534.316.003	935.117.849.181
2. Trả trước cho người bán	132	524.766.440.623	516.054.659.099
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	93.583.385.930	122.170.271.206
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-2.859.422.800	(2.859.422.800)
IV. Hàng tồn kho	140	762.440.854.913	733.988.361.460
1. Hàng tồn kho	141	762.440.854.913	733.988.361.460
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	119.361.785.132	121.459.164.198
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.456.663.595	2.029.654.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15.281.838.620	29.253.842.631
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	523.766.047	718.360.964
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	102.099.516.870	89.457.306.412
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	660.373.432.197	717.345.094.049
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	0	-
II. Tài sản cố định	220	149.974.048.697	157.488.639.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	137.621.486.082	145.071.237.611
- Nguyên giá	222	355.673.013.009	354.411.591.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-218.051.526.927	-209.340.354.073
2. Tài sản cố định vô hình	227	12.352.562.615	12.417.401.827
- Nguyên giá	228	13.183.548.462	13.183.548.462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-830.985.847	-766.146.635
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	59.368.690.627	59.368.690.627
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	59.368.690.627	59.368.690.627
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	392.408.970.172	419.926.388.434
1. Đầu tư vào công ty con	251	68.615.109.766	93.194.609.766
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	257.113.968.156	261.051.886.418
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	66.679.892.250	65.679.892.250
V. Tài sản dài hạn khác	260	58.621.722.701	80.561.375.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	56.996.301.660	78.935.954.509
2. Tài sản dài hạn khác	268	1.625.421.041	1.625.421.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3.747.846.459.928	4.012.252.353.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.954.537.665.402	3.232.041.814.752
I. Nợ ngắn hạn	310	2.910.540.554.441	3.187.418.652.752
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.227.845.429.594	1.280.485.662.999
2. Người mua trả tiền trước	312	986.688.881.460	1.184.312.461.028
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	151.285.241.284	148.571.890.467
4. Phải trả người lao động	314	17.928.030.989	43.428.797.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	162.611.784.392	178.385.204.051
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	917.677.756	1.069.617.733
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	197.836.022.562	202.049.461.474
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	162.455.686.741	144.278.257.498
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.971.799.663	4.837.299.663
II. Nợ dài hạn	330	43.997.110.961	44.623.162.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	23.014.442.000	25.832.182.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.982.668.961	18.790.980.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	793.308.794.526	780.210.538.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	793.308.794.526	780.210.538.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.228.055.870	4.228.055.870
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.796.754.961	5.796.754.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	83.283.983.695	70.185.727.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	70.185.727.774	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	13.098.255.921	70.185.727.774
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	-
2. Nguồn kinh phí	431	0	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3.747.846.459.928	4.012.252.353.357



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 05 năm 2015

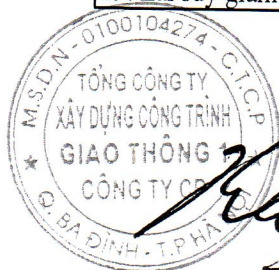
Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

MẪU B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1 NĂM 2015	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY NĂM 2015
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	821.080.133.399	821.080.133.399
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10=1-2	821.080.133.399	821.080.133.399
4. Giá vốn hàng bán	11	781.433.301.256	781.433.301.256
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20=10-11	39.646.832.143	39.646.832.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.557.967.144	17.557.967.144
7. Chi phí tài chính	22	4.873.772.107	4.873.772.107
- Trong đó chi phí lãi vay	23	3.766.993.043	3.766.993.043
8. Chi phí bán hàng	25	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37.328.414.465	37.328.414.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	15.002.612.715	15.002.612.715
30= 20+(21-22)-(24+25)			0
11. Thu nhập khác	31	13.773.659.947	13.773.659.947
12. Chi phí khác	32	12.794.929.173	12.794.929.173
13. Lợi nhuận khác	40=31-32	978.730.774	978.730.774
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50=30+40	15.981.343.489	15.981.343.489
15. CF Thuế thu nhập DN hiện thành	51	2.883.087.568	2.883.087.568
16. CF Thuế thu nhập DN hoãn lại	52	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60=50-51-52	13.098.255.921	13.098.255.921
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		187	187
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 05 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

MÃU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	15.981.343.489
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	9.666.551.543
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(36.778.233)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.101.720.000)
Chi phí lãi vay	06	3.766.993.043
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.276.389.842
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	71.458.636.930
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.452.493.453)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(295.903.378.371)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	22.512.643.445
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.766.993.043)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.410.876.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.421.319.576
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.865.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(215.730.252.028)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(2.959.380.647)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đvị khác	24	124.596.752.771
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.419.800.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	27.517.418.262
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.472.387.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	145.207.377.561
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	180.668.712.204
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(160.299.594.000,00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.369.118.204
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(50.153.756.263)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	693.297.776.187
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	643.144.019.924



Cán Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 05 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 Công ty CP có 12 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Xí nghiệp xây dựng công trình Ciencol - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Công ty Xây dựng 123; và
- Ban quản lý dự án Nhà Chung cư.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở cộng dồn các chỉ tiêu trên các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, cụ thể: cộng dồn các chỉ tiêu trên các Bảng cân đối kế toán, các chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và tiến hành bù trừ các chỉ tiêu liên quan đến công nợ nội bộ, doanh thu nội bộ của tất cả các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong Tổng Công ty - Công ty Cổ phần.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	28.792.960.856	20.712.132.562
Tiền gửi ngân hàng	303.045.608.444	488.040.938.637
Các khoản tương đương tiền	311.305.450.624	184.544.704.988
Cộng	<u>643.144.019.924</u>	<u>693.297.776.187</u>

2. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	24.017.279.140	30.255.011.234
Công cụ, dụng cụ	999.266.825	478.378.351
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	732.522.107.430	698.473.752.652
Thành phẩm	4.263.982.340	4.263.982.340
Hàng hóa	638.219.178	517.236.883
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>762.440.854.913</u>	<u>733.988.361.460</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>762.440.854.913</u>	<u>733.988.361.460</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>102.844.158.326</u>	<u>177.519.857.050</u>	<u>67.505.299.488</u>	<u>4.846.420.706</u>	<u>1.695.856.114</u>	<u>354.411.591.684</u>
- Mua trong kỳ	65.780.000	270.000.000	2.307.964.283	-	315.636.364	2.959.380.647
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(502.781.804)	(822.463.141)	(372.714.377)	-	(1.697.959.322)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>102.909.938.326</u>	<u>177.287.075.246</u>	<u>68.990.800.630</u>	<u>4.473.706.329</u>	<u>2.011.492.478</u>	<u>355.673.013.009</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>45.292.454.095</u>	<u>116.203.849.988</u>	<u>43.322.717.434</u>	<u>3.636.604.374</u>	<u>884.728.182</u>	<u>209.340.354.073</u>
- Khấu hao trong kỳ	1.265.361.307	5.038.323.937	2.923.835.709	194.450.592	179.740.786	9.601.712.331
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(587.920.588)	(302.618.889)	-	(890.539.477)
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>46.557.815.402</u>	<u>121.242.173.925</u>	<u>45.658.632.555</u>	<u>3.528.436.077</u>	<u>1.064.468.968</u>	<u>218.051.526.927</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- <u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>57.551.704.231</u>	<u>61.316.007.062</u>	<u>24.182.582.054</u>	<u>1.209.816.332</u>	<u>811.127.932</u>	<u>145.071.237.611</u>
- <u>Tại ngày cuối kỳ</u>	<u>56.352.122.924</u>	<u>56.044.901.321</u>	<u>23.332.168.075</u>	<u>945.270.252</u>	<u>947.023.510</u>	<u>137.621.486.082</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
- Tai ngày đầu năm	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tai ngày cuối kỳ	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
- Tai ngày đầu năm	696.146.635	70.000.000	766.146.635
- Khấu hao trong kỳ	64.839.212	-	64.839.212
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
- Tai ngày cuối kỳ	760.985.847	70.000.000	830.985.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tai ngày đầu năm	12.417.401.827	-	12.417.401.827
- Tai ngày cuối kỳ	12.352.562.615	-	12.352.562.615

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách sạn văn phòng CN Tây bắc tại Sơn la	59.368.690.627	59.368.690.627
Cộng	59.368.690.627	59.368.690.627

6. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP cầu 12 - Cienco1	28.850.713.257	28.850.713.257
Công ty CP XDCT & đầu tư 120	11.590.226.795	11.590.226.795
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	6.419.710.000	6.419.710.000
Công ty TNHH MTV đường bộ 242	-	7.864.000.000
Công ty TNHH MTV QL&ĐT XDCTGT 240	-	16.715.500.000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 248	11.666.000.000	11.666.000.000
Công ty CP TV thí nghiệm CTGT 1-Cienco1	10.088.459.714	10.088.459.714
Cộng	68.615.109.766	93.194.609.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP PT đầu tư và XD 115 - Cienco1	1.263.234.000	1.263.234.000
Công ty CP SXVL và XDCT 119-Cienco1	586.812.929	586.812.929
Công ty CPXD giao thông &TM 124	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty CP đầu tư & XDCT 128- Cienco 1	6.214.309.449	6.214.309.449
Công ty cổ phần Cầu 14- Cienco1	-	15.357.718.262
Công ty CP XDCT15-cienco1	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	21.050.000.000	21.050.000.000
Công ty CP BOT Cầu Việt tri	44.532.400.000	38.887.600.000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	49.400.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng - Cienco1 (CIC)	2.350.000.000	2.350.000.000
Công ty cổ phần XD công trình 1	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty CP TV đầu tư và XD Việt Nam	2.641.303.364	2.641.303.364
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	40.000.000.000	34.225.000.000
Công ty CP SXVL & XD công trình 1	2.571.000.000	2.571.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư XDCT1	2.770.727.287	2.770.727.287
Công ty XD, SXCN và XNK 125	1.715.000.000	1.715.000.000
Công ty CP xi măng Mai Sơn.	57.494.028.490	57.494.028.490
Công ty CP TVĐT XDCT GT1 -Cienco1	4.381.967.232	4.381.967.232
Công ty CP ĐTXD và TM du lịch - Cienco1	999.686.135	999.686.135
Công ty TNHH Hall Brothers International	2.543.499.270	2.543.499.270
Cộng	<u>257.113.968.156</u>	<u>261.051.886.418</u>

8. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP ĐT&XD hạ tầng Anphanam	4.025.905.831	4.025.905.831
Công ty CPĐT & XD công trình 134	5.823.411.406	5.823.411.406
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu giẽ	49.032.000.000	49.032.000.000
Công ty CP BOT Cầu Bạch Đằng	1.000.000.000	-
Công ty CPĐT TM &XD giao thông 1	5.348.575.013	5.348.575.013
Tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm	1.420.000.000	1.420.000.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	<u>66.679.892.250</u>	<u>65.679.892.250</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2015 đến 31/03/2015

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày đầu năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>4.228.055.870</u>	<u>5.796.754.961</u>	<u>70.185.727.774</u>	<u>780.210.538.605</u>
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lợi nhuận trong kỳ				13.098.255.921	13.098.255.921
- Phân phối các quỹ					-
- Tăng/giảm khác					-
Số dư tại ngày cuối quý	<u>700.000.000.000</u>	<u>4.228.055.870</u>	<u>5.796.754.961</u>	<u>83.283.983.695</u>	<u>793.308.794.526</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Năm nay
- Doanh thu bán hàng	24.241.743.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.619.940.042
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	777.218.450.357
Cộng	821.080.133.399
2. Giá vốn hàng bán	
	Năm nay
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.241.743.000
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.834.974.283
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	742.356.583.973
Cộng	781.433.301.256
3. Doanh thu hoạt động tài chính	
	Năm nay
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.595.987.175
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.876.400.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	983.859.969
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.101.720.000
Cộng	17.557.967.144
4. Chi phí hoạt động tài chính	
	Năm nay
- Lãi tiền vay	3.766.993.043
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.024.465.805
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(77.384.069)
- Chi phí tài chính khác	159.697.328
Cộng	4.873.772.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

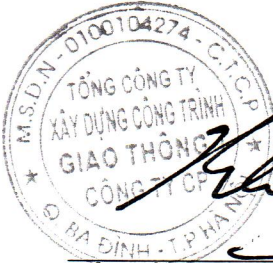
1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán, một số số liệu đã được trình bày lại phù hợp với sự điều chỉnh mẫu báo cáo của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 05 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập